

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 2/6
KỲ THI NGÀY 29/5/2022

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	A0001	Lê Nguyễn Hoài	Bảo	09/08/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	16,0	22,0	20,0	7,0	Đạt		
2	A0002	Nguyễn Thị	Bích	23/12/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh					0,0		Không đạt	Vắng
3	A0003	Trần Văn	Bình	29/08/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13,0	15,0	17,0	20,0	6,5	Đạt		
4	A0004	Keovonsak	Bounom	04/10/1998	Lào	Nam	Lào	13,0	12,0	19,0	18,0	6,0		Không đạt	Thi lại Kỳ 24/4/2022
5	A0005	Trình Văn	Cường	01/02/1978	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10,0	14,0	15,0	15,0	5,5		Không đạt	
6	A0006	Trần Tiến	Dương	20/11/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13,0	15,0	20,0	20,0	7,0	Đạt		
7	A0007	Nguyễn Thị Thu	Hà	07/01/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14,0	14,0	23,0	20,0	7,0	Đạt		
8	A0008	Lưu Hoàng	Hải	17/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11,0	15,0	22,0	19,0	6,5	Đạt		
9	A0009	Phan Ngọc	Hậu	21/03/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12,0	15,0	22,0	18,0	6,5	Đạt		
10	A0010	Đình Văn	Hòa	25/03/1982	Quảng Ngãi	Nam	H're	10,0	16,5	17,0	12,0	5,5		Không đạt	
11	A0011	Trần Văn	Hoàng	27/11/1977	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12,0	15,0	21,0	17,0	6,5	Đạt		
12	A0012	Vũ Thị Thúy	Liều	16/09/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	16,0	22,0	19,0	7,0	Đạt		
13	A0013	Nguyễn Hồng Yến	Linh	25/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14,0	16,0	20,0	19,0	7,0	Đạt		
14	A0014	Lê Ngô Thùy	Loan	10/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	15,0	19,0	18,0	6,5	Đạt		
15	A0015	Nguyễn Hữu	Lợi	02/05/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	17,0	23,0	20,0	7,5	Đạt		
16	A0016	Lê Thị Thu	Nhị	20/07/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	22,0	23,0	15,0	7,5	Đạt		
17	A0017	Lê Thông	Phước	26/06/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	18,0	25,0	15,0	7,0	Đạt		

TT	SBD	Họ đệm Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
18	A0018	Hồ Ngọc	Phuong	04/01/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	17,0	23,0	18,0	7,5	Đạt		
19	A0019	Trần Quang	Sỹ	10/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	23,0	23,0	20,0	8,0	Đạt		
20	A0020	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	25/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	20,0	22,0	18,0	7,5	Đạt		
21	A0021	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	20/12/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	18,0	22,0	16,0	7,0	Đạt		Thi lại Kỳ 24/4/2022
22	A0022	Phạm Thị Hồng	Thà	22/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	16,0	23,0	19,0	7,5	Đạt		
23	A0023	Hoàng Thị	Thanh	26/10/1987	Nghệ An	Nữ	Kinh	15,0	17,0	23,0	17,0	7,0	Đạt		
24	A0024	Lê Phương	Thắng	15/11/1979	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	17,0	23,0	17,0	7,0	Đạt		
25	A0025	Võ Đình	Thi	21/10/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	17,0	21,0	20,0	7,5	Đạt		
26	A0026	Huỳnh Tấn	Thoại	19/06/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	0,0				0,0		Không đạt	
27	A0027	Nguyễn Thị Nữ	Trang	12/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	16,0	22,0	18,0	7,0	Đạt		
28	A0028	Nguyễn Thị	Vân	19/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	15,0	22,0	18,0	7,0	Đạt		
29	A0029	Nguyễn Ngọc	Viên	08/05/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	15,0	23,0	15,0	6,5	Đạt		
30	A0030	Inthavong	Xokxay	19/11/2000	Lào	Nam	Lào	12,0	14,0	21,0	19,0	6,5	Đạt		Thi lại Kỳ 24/4/2022

Danh sách này có: 30 thí sinh, trong đó số dự thi: 29 thí sinh, số vắng thi: 01 thí sinh.

- Được công nhận đạt kết quả thi:

25

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	